

Chương bốn: SÁCH GIÓP (*)

R. A. F. MacKenzie, S.J. Roland E. Murphy, O. Carm. **

Tài Liệu Tham Khảo

Các Bình luận:

- Alonso Schokel, L., *Job* (Madrid, 1981).
Anderson, F. I., *Job* (TynOTC; Leicester, 1976).
Davidson, A. B., *The Book of Job* [sách Gióp](CBSC; ấn bản sửa đổi, Cambridge, 1918).
Dhorme, P., *A Commentary on the Book of Job* [Bình giải về Sách Gióp] (London, 1967).
Driver, S. R., và Gray, G. B., *A Critical and Exegetical Commenttary on the Book of Job* [Bình luận có phê phán và Chú giải về Sách Gióp] (ICC; Edinburgh, 1921). Fedrizzi, P., *Giobbe* (Rome, 1972). Fohrer, G., *Das Buch Hiob* [Sách Gióp] (KAT 16; Gütersloh, 1963).
Gordis, R., *The Book of God and Man* [Cuốn sách về Thiên Chúa và Con người] (Chicago, 1965). Habel, N., *The Book of Job* [Sách Gióp] (OTL; Phi, 1985).
Horst, F., *Hiob* [Gióp](BKAT 16/1; Neukirchen, 1960). Janzen, G. J., *Job* (IBC; Atlanta, 1985).
Kissane, E., *The Book of Job* [Sách Gióp] (Dublin, 1939).
Pope, M., *Job* (AB 15; 3d ed.; 1973).
Rowley, H. H., *Job* (CentB; Nash, 1970).
Terrien, S., *Job* (CAT; Neuchatel, 1963).
Weiser, A., *Das Buch Hiob* (ATD; ấn bản lần thứ 2; Göttingen, 1956).

Các Nghiên cứu:

- Cox, D. *The Triumph of Impotence* [Chiến thắng của sự bất lực] (AnGreg 212; Rome, 1978).
Crossan, J. D. (biên tập), *The Book of Job and Ricoeur's Hermeneutics* [Sách Gióp và Khoa diễn giải của Ricoeur] (Semeia 19; Chico, 1981).
Duquoc, C. (biên tập), *Job and the Silence of God* [Gióp và Sự im lặng của Thiên Chúa] (Concilium 169; Edinburgh, 1983).
Fohrer, G., SBH. Gese, H., *Lehre und Wirklichkeit in der alten Weisheit* [Giảng dạy và thực tế trong khôn ngoan cổ xưa] (Tübingen, 1958).
Gray, J. "The Book of Job in the Context of Near Eastern Literature [Sách Gióp trong bối cảnh văn học Cận Đông]", *ZAW* 82 (1970) 251-69.
Greenberg, M., et al., *The Book of Job* (Phi, 1980).
Kuhl, C., "Neuere Literarkritik des Buches Hiob [Phê bình văn học gần đây về Sách Gióp]," *TRu* 21 (1953) 163-205, 257-317; "Vom Hiobbuche und seinen problemem," *TRu* 22 (1954) 261-316.
Levque, J., *Job et son Dieu* [Gióp và Thiên Chúa của Ông] (Paris, 1970). Maag, V., *Hiob* (Göttingen, 1982).
Muller, H., *Das Hiobproblem* [Vấn đề Ông Gióp](Darmstadt, 1978).
Murphy, R. E., "Job," *Wisdom Literature* ['Gióp' Văn chương khôn ngoan] (FOTL 13; GR, 1981) 14-45. Polzin, R., & D. Robertson (biên tập), *Studies in the Book of Job* [Nghiên cứu về Sách Gióp] (Semeia 7; Missoula, 1977).
Richter, H., *Studien zu Hiob* [Nghiên cứu về sách Gióp] (TA 11; Berlin, 1959).
Rowley, H. H., "The Book of Job and its Meaning [Sách Gióp và Ý nghĩa của nó]", *BJRL* 41 (1958) 167-207.
Skehan, P., *SIPW*.
Tsevat, M., "The Book of Job and Its Meaning [Sách Gióp và Ý nghĩa của nó]", *HUCA* 37 (1966) 73-106.
Van der Ploeg, J., và A. van der Woude, *Le Targum de Job de la grotte XI de Qumran* [Bản dịch Targum sách Gióp của hang Qumran XI (Leiden, 1972).
Vawter, B., *Job and Jonah* (Gióp và Giônã) (NY, 1983).
Vermeulen, J., *Job, ses amis et son Dieu* [Gióp, các bạn ông và Thiên Chúa Ông] (StudB 2; Leiden, 1986).
Westermann, C., *The Structure of the Book of Job* [cấu trúc của sách Gióp] (Phi, 1970).

Dẫn nhập

(I). Nhận xét mở đầu. Cụm từ tục ngữ "sự kiên nhẫn của Gióp" dường như bắt nguồn từ Thư của Thánh Gia-cô-bê (KJV). Nó vừa là một điều gây khó chịu (Gióp không kiên nhẫn) vừa không chính xác (*hypomonē* có nghĩa là sự kiên định hoặc bền bỉ). Gióp vẫn kiên trì, bất chấp những thăng trầm trong trải nghiệm của mình. Cấu trúc của sách là điều cần thiết để hiểu được nó. Trong truyền thống Do Thái, Gióp được biết đến như một người đàn ông thánh thiện (→ xem dưới), và câu chuyện về phiên tòa xét xử và sự phục hồi của ông được tìm thấy trong phần mở đầu (chương 1-2) và phần kết (42:7-17) tạo thành khung. Đối thoại thơ (chương 3-31) đề cập đến vấn đề thần học sâu sắc về ý nghĩa của đau khổ trong cuộc đời của một người công chính. Đây là một sáng tạo văn học, không phải là một bản tường thuật về một cuộc tranh luận theo nghĩa đen. Trong một loạt các bài phát biểu tranh luận, Gióp bảo vệ sự chính trực của mình trước những lời buộc tội của ba người bạn nghĩ rằng họ đang bảo vệ Thiên Chúa. Trong các chương 29-31, ông kết thúc cuộc tranh luận bằng một lời phản đối chính thức về sự vô tội của mình và đưa ra lời thách thức với Thiên Chúa. Tại thời điểm này, Ê-li-hu xen vào để nói chống lại Gióp (chương 32-37). Cuối cùng, Chúa xuất hiện trong một sự thần hiện để đưa ra hai bài phát biểu (chương 38-41), và Gióp đưa ra phản ứng cuối cùng của mình (42: 1-6). Có lẽ tác giả biết rằng đau khổ là một mẫu nhiệm hơn những độc giả hiện đại, nhưng ông đã tiếp cận nó với tất cả sự khôn ngoan có sẵn vào thời của mình.

(II). Ngôn ngữ và Niên đại. Sách Gióp là tác phẩm khó dịch nhất trong Cựu Ước. Phán đoán này được chứng minh bằng những khác biệt tồn tại trong cả phiên bản hiện đại và cổ đại. Phiên bản gốc của Bản Bảy Mươi đã phản ánh một dạng văn bản ngắn hơn khoảng 100 câu so với MT. Sách có nhiều *hapax legomena* (khoảng 100) và các chữ hiếm, và nhiều câu dường như bị sửa sai một cách vô vọng. Do đó, các dịch giả thường buộc phải đưa ra những phỏng đoán có căn cứ. Ngôn ngữ đã được phân tích từ ít nhất hai quan điểm: sự hiện diện của chữ nghĩa Canaan (đặc biệt là ảnh hưởng của Ugaritic; xem A. Blommerde, *Northwest Semitic Grammar and Job* [Văn phạm Xê-mít Tây Bắc và Sách Gióp] [BibOr 22; Rome, 1969]) và Chữ nghĩa Aram (đặc biệt là trong các bài phát biểu của Ê-li-hu), nhưng vấn đề này vẫn chưa được giải quyết.

Niên đại của sách không được biết, bất kể xu hướng chung coi đó là thời kỳ hậu lưu đầy. Câu hỏi này trở nên phức tạp hơn do một số học giả cho rằng một số phần của tác phẩm là những phần bổ sung sau này (bài thơ về sự khôn ngoan trong chương 28; các bài phát biểu của Ê-li-hu, v.v.). Không có ám chỉ lịch sử nào trong cuốn sách U. Roberts, *ZAW* 89 [1977] 107-14). Những song hành với sách Gióp trong văn học Cận Đông cổ thời (→ Văn chương Khôn ngoan, 27:29-31) cũng không làm sáng tỏ về niên đại. Một số người cho rằng sách Gióp 3 phụ thuộc vào sách Giê-rê-mi-a 20:4-18, hoặc phát hiện ra ảnh hưởng của Đệ nhị luật, hoặc phán đoán rằng thời kỳ lưu đầy đã tác động đến cuốn sách, nhưng tất cả các lập luận về văn học và thần học như vậy đều khá yếu ớt. Như M. Pope (người coi thế kỷ thứ 7 là "phỏng đoán tốt nhất") nhận xét, niên đại vẫn là "câu hỏi bỏ ngỏ".

(III). Công lý trong sách Gióp. Gia-vê là công lý và nguồn gốc của công lý luôn là một châm ngôn. Nhưng công lý này có thể được hình dung theo hai cách rất khác nhau. Theo quan điểm của những người bất lực và bị áp bức, công lý là sự giải thoát, cứu rỗi; những "thẩm phán" đầu tiên là những anh hùng và nhà vô địch, những người giải cứu dân tộc của Gia-vê khỏi sự áp bức. Trong trải nghiệm của cuộc di cư khỏi Ai Cập, công lý của Gia-vê là công lý cứu rỗi; sự can thiệp của Người đã tạo ra công lý, trạng thái mà tất cả mọi người đều

có những gì họ đáng có. Những người đồng hành trong giao ước của Người, tất nhiên, phải có sự an toàn và hạnh phúc (→ Tư tưởng Cựu Ước, 77:93, 136).

Nhưng nếu những người đồng hành trong giao ước này không trung thành và trở thành kẻ thù của Người, thì họ phải trải qua mặt khác của công lý, đó là sự hủy diệt. Và theo quan điểm của Nhà Đệ nhị luật và các tiên tri, đó là những gì đã xảy ra với Giu-đa trong thời kỳ lưu đày. Do đó, trong thời kỳ hậu lưu đày, ngày càng có sự nhấn mạnh vào lòng trung thành với Gia-vê, điều này được thể hiện cụ thể trong tuân thủ nghi lễ và lề luật bên ngoài một cách chi tiết.

Đồng thời, các thầy dạy khôn ngoan nhấn mạnh đến hiệu quả của cuộc sống công chính. Trong nỗ lực hiểu được sự hiền hữu của con người, họ hướng đến việc giảm bớt các yếu tố tùy tiện và không thể đoán trước trong cuộc sống. Họ cho rằng có những luật đạo đức chi phối cuộc sống, mà Thiên Chúa là người giám hộ và bảo đảm. Những điều này có thể được biết đến và, bằng sự lựa chọn thận trọng và hành vi không thể chê trách, người ta có thể sống hòa hợp với chúng và được đảm bảo về hạnh phúc và thành công.

Chủ nghĩa cá nhân cực đoan của Ê-dê-ki-en (ví dụ, 18:1-32) là một nhu cầu mục vụ trong nỗ lực giải cứu phần còn lại của Giu-đa khỏi bàn tay chết chóc của quá khứ. Nhưng nó làm tăng thêm khó khăn trong việc cân bằng kinh nghiệm sống thực với "những gì đáng lẽ phải xảy ra". Sự nhấn mạnh của các tác giả Châm ngôn về phương trình không thể sai lầm của họ - sự khôn ngoan = cuộc sống đạo đức = "thành công" - chắc chắn đã giúp mọi người hình thành thói quen đạo đức. Nhưng đối với người suy nghĩ, nó làm trầm trọng thêm vấn đề "công lý" trong cuộc sống con người (→ Wisdom Lit., 27:12-13).

(IV). Mục đích của tác giả. Tác giả đã đảm nhiệm việc chứng tỏ, theo quan điểm của một khái niệm đầy đủ hơn về mối quan hệ của nhân loại với đấng sáng tạo yêu thương của mình, rằng vấn đề đã được đặt ra một cách sai lầm: tức là, Chúa có thể có những mục đích khác ngoài việc chỉ thực hiện công lý báo thù. Làm phương tiện truyền đạt, Người đã chọn một câu chuyện cũ mà chắc chắn quen thuộc với những người đương thời của mình. Ê-dê-ki-en 14: 14,20 đề cập đến ba nhân vật huyền thoại trong quá khứ, Nô-ê, Đa-ni-en (không phải Đa-ni-en, mà là Đa-ni-en trong truyền thuyết U-ga-ri) và Gióp, như thành cách ngôn vì sự công chính của họ. Câu chuyện về Gióp của Ê-dê-ki-en sẽ đại khái là những gì được thể hiện trong phần mở đầu và phần kết. Cuộc đối thoại giữa Chúa và Satan đã được diễn giải như một sự thể hiện thô thiển về một vị thần tàn nhẫn cho phép sự tra tấn sáng tạo của mình (C. Jung). Điều này không thấy được những vấn đề sâu sắc nằm trong bản văn. Câu hỏi của Satan là một trong những câu hỏi quan trọng nhất trong Kinh thánh: Con người có phục vụ Chúa vì chính họ và lợi ích của họ không (hay nói một cách trừu tượng, lòng mộ đạo vô tư có thể có không)? J. Janzen coi đây là một câu hỏi hiện sinh đối với Thiên Chúa: Liệu Thiên Chúa có thể tạo ra một người thờ phượng tự do không? "Nói cách khác, loại giao ước nào có thể có giữa Thiên Chúa và loài người?" (Gióp 41).

Tác giả biến ba người bạn, Ê-li-phát [Eliphaz], Bin-đát [Bildad] và Xô-pha [Zophar], thành những người bảo vệ hùng hồn cho quan điểm "truyền thống" về sự trừng phạt của Thiên Chúa. Để phù hợp với bản chất quốc tế của truyền thống khôn ngoan, họ không phải là người Do Thái, giống như chính Gióp. Mục đích của người viết không phải là chế giễu học thuyết truyền thống, mà là để chỉ ra rằng nó chỉ đơn giản là không đủ. Trong chừng mực học thuyết này là tích cực, nó là lành mạnh và hữu ích (xem TV37, đơn giản đến mức ngây thơ, nhưng đẹp đẽ và an ủi). Nó chứa đựng nhiều chân lý đạo đức và tôn giáo nhưng họ làm hỏng nó bằng cách phóng đại. Họ không muốn rời bỏ một biên tế của sự không chắc chắn, thừa nhận

giới hạn trong sự hiểu biết của họ, viết sau mỗi luận đề của họ, "Nếu Chúa muốn vậy." Mọi hoạt động của sự quan phòng thần thiêng phải rõ ràng với họ, rõ ràng, như toán học. Họ đã trở thành nạn nhân của nguy cơ nghề nghiệp của các nhà thần học: họ quên rằng họ đang giải quyết vấn đề màu nhiệm. Họ đã "nghiên cứu" Thiên Chúa như một chủ đề để phân tích, dự đoán và hiểu rõ. Và khi buộc các sự kiện phải phù hợp với sự hiểu biết của họ, họ trở nên cố tình không trung thực (Gióp 13:6-11). Trong khi đó, người đọc cuốn sách biết những gì những người bạn (và Gióp) không biết.

Như tác giả đã cẩn thận xây dựng, Gióp là trường hợp cực đoan; do đó, ở đây, họ cực kỳ sai lầm. Nhưng học thuyết báo thù đơn giản của họ đã tồn tại lâu dài. Trong Ga 9: 1-3, các môn đệ của Chúa Giêsu coi đó là điều hiển nhiên; họ bị hấp dẫn bởi sự mù lòa của người đàn ông, chỉ vì anh ta sinh ra đã như vậy. Họ không hỏi: "Điều này có phải vì tội lỗi không?" (tất nhiên là vậy!). Vấn đề của họ là: "Đó có phải là tội lỗi của chính ông trong kiếp trước hay của cha mẹ ông trước khi ông sinh ra?" Chúa Giê-su đã sửa lỗi họ rất rõ ràng, và những gì Người nói cũng áp dụng cho Gióp: Người chịu đau khổ, không phải vì bất cứ tội lỗi nào mà là "để các công việc của Thiên Chúa có thể được thể hiện trong ông".

Việc sửa chữa sự bóp méo của những người bạn tương đối đơn giản và có thể được thực hiện bởi chính Gióp. Lỗi lầm của riêng ông tinh vi hơn, và sự sửa chữa nó phải đến từ Thiên Chúa. Trong phần mở đầu, ông không liên hệ giữa sự đau khổ của mình và công lý của Thiên Chúa. Nhưng sự đơn giản trung thành đó không đủ để bác bỏ những lời buộc tội của những người bạn, và khi duy trì sự vô tội của mình như thể Chúa đang phủ nhận nó, ông đã đánh giá nó quá cao. Đó không phải là một phản bác mặc cả; đó không phải là một dấu hiệu mà ông có thể đưa ra với Thiên Chúa, nói rằng, "Vì điều này, Ngài nợ con hạnh phúc". Ông đứng, khi chống lại những người bạn; ông không đứng, khi chống lại Thiên Chúa. Ông không thể yêu sách Thiên Chúa. Gióp phải nhấn mạnh vào sự chính trực của mình, nhưng ông không thể nói "Thiên Chúa phải" (xem, von Rad, *WI* 219-22). Chúa Kitô đã cảnh báo chúng ta trong bản văn được trích dẫn đó, Lu-ca 17: 10, "Khi các ngươi đã làm xong mọi điều đã truyền, hãy nói rằng: 'Chúng tôi là đây tở vô dụng; chúng tôi đã làm những gì chúng tôi phải làm.'"

Cuốn sách đầy sự mỉa mai (xem bình luận của J. G. Jansen) và nghịch lý, vì nó cố gắng tiếp cận chân lý thần thiêng, điều mà con người không thể với tới (chương 28), từ nhiều quan điểm khác nhau. Điều cốt yếu là Gióp phải là người yêu Thiên Chúa, một vị thánh. Nếu không, sự đau khổ của ông chắc chắn sẽ chứa đựng một số hình phạt chính đáng. Gióp phải khẳng định sự vô tội của mình nếu ông muốn mãi là một người chính trực. Hơn nữa, chỉ một người như vậy mới có thể vượt qua được thử thách. Nhận xét này sẽ làm dịu đi sự tai tiếng mà một số độc giả cảm thấy về những gì họ gọi là sự vô cảm của Thiên Chúa trong các chương 1-2. Chúa bị đặt vào tình huống "không thể thắng" bởi tác giả. Nếu Thiên Chúa từ chối thử thách mà Satan đề xuất, thì liệu đó có phải là dấu hiệu của sự sợ hãi khi con người chỉ phục vụ Người vì chính họ (và khi đó Satan đúng)? Mặt khác, việc chấp nhận lời đánh cuộc của Satan khiến Thiên Chúa gần như "có tính ma quỷ", nhưng chúng ta phải hiểu rằng Chúa tin tưởng những ai phục vụ Người, và đây là cơ hội của Gióp.

(V). Thiên Chúa trong Gióp. Sự đa dạng của các tên gọi thần thiêng trong Gióp đáng chú ý. Trong phần mở đầu và phần kết, người kể chuyện nhắc đến "Gia-vê" (Chúa), Thiên Chúa chân chính duy nhất và là Chúa Tể tối cao theo cách thông thường của người Israel. Nhưng những người nói trong phần mở đầu, bao gồm cả Gia-vê (1:8b; 2:3a), sử dụng từ chung chung 'elōhīm (Thiên Chúa). Ngoại lệ duy nhất là trong 1:21b, khi Gióp sử dụng "Gia-vê" ba

lần; nhưng ở đây, câu thứ hai là một trích dẫn. Trong đoạn hội thoại, mặt khác, "Gia-vê" chỉ được nêu tên một lần (12:9b), và một lần nữa lại nằm trong một trích dẫn. "Elohim" cũng được sử dụng một lần (5:8b). Ngoài ra, ba tên thơ cổ xưa luôn được sử dụng: 'él, 'ělohah và šadday (Đấng Toàn năng). Trong số này, tên đầu tiên và tên thứ hai không bao giờ song song với nhau, nhưng mỗi tên có thể song song với šadday.

Quy ước phức tạp này thiết lập thuyết độc thân - năm tên đều áp dụng cho một và chỉ một Thiên Chúa; và nó duy trì tình huống không phải của người Israel - Gióp và bạn bè của ông là "những người tin thực sự", nhưng họ nằm ngoài phạm vi của giao ước với Israel. Họ nói thay cho nhân loại nói chung, trước một Thiên Chúa thực sự được biết đến qua sự mặc khải cho Israel, nhưng những người này chỉ liên hệ đến Thiên Chúa thông qua sự kiện cơ bản là họ là tạo vật của Người. Họ không mong đợi sự cứu rỗi nào từ Thiên Chúa ngoài sự an lành của cá nhân trong cuộc sống này. Chỉ có Gióp đang tìm kiếm một mối quan hệ thân mật và lâu dài hơn, không chỉ dựa trên việc trao đổi quà tặng hay dịch vụ mà còn dựa trên sự hiệp thông tình yêu. Họ không bao giờ nói chuyện với Thiên Chúa; chỉ có Gióp mới nói chuyện với Người.

(VI. Văn Phong. (Về vần luật [metrics] và phép song hành Do Thái, (→ Thơ Do Thái, 12:7-10; 16-20). Trong các trang tiếp theo, "stich"[một câu thơ] được sử dụng để chỉ một cụm từ song hành với một cụm từ khác; một "dòng thơ [line]" bao gồm hai câu thơ song song (một "distich" - vần với "mystic"), hoặc đôi khi là ba (một "tristich"; ví dụ, 3:9 là một dòng thơ, một tristich). Khi trích dẫn các đoạn thơ, "a", "b", v.v., được thêm vào số câu để chỉ các câu thơ liên tiếp trong câu đó. Việc nhóm các dòng thơ thành các khổ thơ [stanza] hoặc "strophes" là thông thường trong bài thơ (xem phần trình bày thuyết phục của P. W. Skehan, trong *SIPW*, 96-113). Phân tích khổ thơ được áp dụng trong các chương 3-23 chủ yếu theo Skehan, với những thay đổi thỉnh thoảng, như trong các chương 16-17, 19, 21, 22.

Không thể phân loại cuốn sách theo thể loại văn học. Như M. Pope đã nhận xét (Gióp xxxi), nó thuộc loại của nó [sui generis] về mặt này. C. Westermann mô tả nó như một vở kịch hóa lời than thở. H. Richter thấy trong đó một quá trình pháp lý. H. Gese gọi nó là "mô hình của lời than thở được đáp lại" (theo phong cách của bài thơ Babylon, "Tôi sẽ ca ngợi Chúa tể của sự khôn ngoan", *ANET* 434-37).

J. W. Whedbee (trong *Studies* [biên tập. R. Polzin và D. Robertson] 1-39) coi nó là một vở hài kịch phù hợp với chủ trương của Northrop Frye. Có lẽ G. Fohrer đã chỉ ra cách thoát khỏi vùng hoang vu này. Ông nhấn mạnh ba đặc điểm chủ đạo: than thở, luật pháp và sự khôn ngoan. Cuốn sách là sự kết hợp của tất cả những điều này (xem Murphy, *Wisdom Literature*, 16-20).

Học thuật hiện đại đã dành nhiều sự chú ý cho bản văn của Gióp, không chỉ cho tính toàn vẹn của nó mà còn cho các chú thích có thể có, sự thay đổi các câu thơ và các câu thơ bị làm sai lệch. Bất cứ sự thay đổi nào (ví dụ, chương 25-27) hoặc chèn thêm có thể đã xảy ra, thì những điều này phải xảy ra từ rất sớm. Bản dịch Targum sách Gióp (1 l QtgJob), được phát hiện trong hang động 11 của Qumran và có niên đại từ thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên, không cung cấp hỗ trợ cho các bản tái tạo học thuật hiện đại về trình tự của bản văn. Nó hỗ trợ MT, nhưng cũng hỗ trợ một số cách đọc Bản Bảy Mươi. Đồng thời, phải thừa nhận rằng bản dịch Bảy Mươi của cuốn sách thường cung cấp một cơ sở không chắc chắn cho việc sửa đổi bản văn (xem J. Ziegler, "Der textkritische Wert der Septuaginta des Buches Hiob [Giá trị phê bình bản văn của bản Bảy Mươi về Sách Gióp]," *Miscellanea Biblica* [Rome, 1934] 2. 277-96).

(*) *The New Jerome Biblical Commentary, Student Edition các tr:466-468*

** Roland E. Murphy đã sửa đổi bài viết của R. A. F. MacKenzie.